

Số: 25 /KH-PGDĐT

Thanh Xuân, ngày 16 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024

Thực hiện Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trong năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục; Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành và sửa đổi khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 17-NQ/QU ngày 12/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ quận về “*Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo quận Thanh Xuân giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*”; Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 06/11/2020 của UBND quận Thanh Xuân về “*Phát triển GDĐT quận Thanh Xuân giai đoạn 2021-2025*”; Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 28/8/2023 của UBND quận Thanh Xuân về nhiệm vụ năm học 2023-2024.

Trên cơ sở hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 và thực tế của ngành GDĐT quận, Phòng GDĐT xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 với chủ đề “*Đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục*” như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Công tác Giáo dục Thanh Xuân luôn nhận được sự quan tâm hướng dẫn chuyên môn của Sở GDĐT; sự chỉ đạo toàn diện, quyết liệt, sáng tạo của Quận ủy, HĐND và UBND quận; sự phối hợp hiệu quả của các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các phường trong quận; sự quyết tâm cao của toàn thể đội ngũ CB, GV ngành GDĐT; sự đồng hành, cộng đồng trách nhiệm của cha mẹ học sinh trong toàn quận.

2. Khó khăn

- Hiện nay, các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập thiếu 596 giáo viên, 97 nhân viên so với định mức của Bộ GDĐT¹ (*chiếm tỉ lệ gần 30% tổng số giáo viên, nhân viên các trường công lập*); các trường phải ký hợp đồng giáo viên, nhân viên còn thiếu theo quy định.

¹ Cấp Mầm non: thiếu 226 giáo viên, 66 nhân viên; cấp Tiểu học: thiếu 136 giáo viên, 08 nhân viên; cấp THCS: thiếu 234 giáo viên, 23 nhân viên.

- Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất một số trường mầm non, tiểu học, THCS để đáp ứng chuẩn còn khó khăn do vướng các chế tài quy hoạch.

3. Số liệu năm học 2023-2024

3.1. Cán bộ, chuyên viên, nhân viên Phòng GDĐT

- Số lượng cán bộ: 14; trong đó: biên chế 12 (*lãnh đạo: 04, chuyên viên 08*), 03 lao động hợp đồng (*bảo vệ, kế toán*);

- Số đảng viên: 12;

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 02; Trung cấp: 10 (01 đ/c đang đi học Cao cấp);

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ: 01; Thạc sĩ: 07; Đại học: 04 (02 đ/c đang đi học Thạc sĩ).

3.2. Quy mô trường, lớp (Biểu 01)

Toàn quận có 78 trường, trong đó có 45 trường công lập, 33 trường tư thục ở cả 3 cấp học với 65.770 học sinh, giảm 01 trường mầm non công lập²; có 5.050 CB, GV, NV (trường công lập: 2.420 CB, GV, NV; trường và nhóm lớp tư thục: 2.630 CB, GV, NV).

II. NHIỆM VỤ, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Chỉ tiêu: Biểu 02 gửi kèm.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tham mưu UBND quận cân đối nguồn lực đầu tư, tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường lớp hiện đại, đảm bảo tính chiến lược, hiện đại, tổng thể và lâu dài; đáp ứng nhu cầu phát triển, giữ vững tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu Nghị quyết số 17-NQ/QU ngày 12/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ quận về *“Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo quận Thanh Xuân giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc quận; đặc biệt quan tâm công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng chống cháy nổ; nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị và dạy học. Thực hiện thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục đối với các trường công lập.

- Đảm bảo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn; thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

² Sáp nhập trường Mầm non Hòa My và Mầm non Tuổi Thần Tiên thành trường Mầm non Tuổi Thần Tiên.

- Xây dựng chi bộ trường học trong sạch, vững mạnh; chú trọng hoạt động của đoàn thể trong nhà trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ góp phần xây dựng kỷ cương, nề nếp, đoàn kết nội bộ các trường học.

3. Nhiệm vụ cụ thể và giải pháp thực hiện

3.1. Đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính

- Chỉ đạo các trường xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo khoa học, linh hoạt, phù hợp với thực tế của đơn vị; rà soát, bổ sung nội dung quy chế phối hợp giữa Ban giám hiệu và Ban đại diện cha mẹ học sinh; thực hiện tốt công tác phối hợp với cha mẹ học sinh trong tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện, kiểm tra, giám sát, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn trường học.

- Tổ chức giao ban Hiệu trưởng; tham mưu UBND quận giao ban định kỳ 01 lần/tháng với Ban chủ nhiệm câu lạc bộ quản lý các cấp học, giao ban 01 lần/quý với chủ các nhóm lớp mầm non độc lập nhằm quán triệt các văn bản chỉ đạo, tăng cường quản lý an ninh, an toàn trường học, nâng cao đạo đức nhà giáo, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đầu tư cơ sở vật chất, phòng cháy chữa cháy, thực hiện đúng quy định về phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn trường học. Phối hợp với UBND 11 phường, chỉ đạo các trường mầm non công lập hướng dẫn, kiểm tra sau cấp phép các hoạt động của các nhóm lớp mầm non độc lập nhằm đảm bảo 100% trường, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động theo đúng quy định; xây dựng 01 nhóm lớp điểm/phường.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các trường, trong đó tập trung các nội dung: quản lý dạy thêm, học thêm, thu chi đúng quy định, thực hiện kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ, đạo đức nhà giáo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật, quy định của Ngành; công khai kết quả kiểm tra, khắc phục, xử lý kịp thời các vấn đề sau kiểm tra.

- Chỉ đạo các trường rà soát quy chế làm việc, gắn trách nhiệm mỗi cá nhân với sự phát triển của đơn vị, thực hiện tốt quy chế dân chủ, kỷ cương hành chính, nêu cao tinh thần trách nhiệm, thay đổi tác phong làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ cha mẹ học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2. Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tài sản

- Tham mưu UBND quận rà soát, đầu tư cơ sở vật chất, phòng học bộ môn theo các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Hoàn thiện bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định tại các Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

- Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan rà soát quy hoạch mạng lưới trường học trên địa bàn quận; tham mưu UBND quận tiếp tục đầu tư các dự án lĩnh vực giáo dục theo kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Hoàn thành tiến độ thực hiện trong năm học 2023-2024: Đầu tư xây mới, xây thêm phòng học, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất 04 trường (*Mầm non Tràng An, Tiểu học Hạ Đình, Tiểu học Nguyễn Trãi, THCS Phan Đình Giót*); công nhận lại trường chuẩn quốc gia 03 trường: Tiểu học Hạ Đình (*mức độ 1*), THCS Nhân Chính (*mức độ 1*), THCS Thanh Xuân (*mức độ 2*).

- Chỉ đạo các trường đầu tư kinh phí mua sắm thiết bị dạy học, quản lý, lựa chọn, sử dụng đồ chơi, tài liệu, học liệu theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Thông tư số 37, 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 4, lớp 8 và chuẩn bị thực hiện đối với lớp 5, lớp 9 năm học 2024-2025; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020, Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05/11/2021 của Bộ GDĐT. Thường xuyên rà soát, kiểm tra đảm bảo chất lượng dịch vụ của các mô hình vệ sinh công nghiệp, bảo vệ chuyên nghiệp, quản lý trang thiết bị trường học; thực hiện “*khoán*” trong quản lý trang thiết bị trường học; chỉnh trang khung cảnh sư phạm, xây dựng mô hình “*trường học hấp dẫn*”, “*trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm*”.

- Thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục đối với 09 trường công lập theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố. Tuân thủ các quy định về thu chi tài chính; tuyệt đối không lạm thu, tránh gây bức xúc trong phụ huynh, Nhân dân. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Quận ủy, UBND quận về việc thực hiện thu chi; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để thống nhất các khoản thu do Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng quy định của Bộ GDĐT tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Chỉ đạo trường THCS Thanh Xuân hoạt động tốt mô hình chất lượng cao, tự chủ tài chính, phát huy hiệu quả trường thành viên của hệ thống giáo dục quốc tế Cambridge.

3.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV, NV

3.3.1. Số liệu CB, GV, NV (04 biểu gửi kèm)

- Biểu 03: Tổng hợp số liệu CB, GV, NV 3 cấp học;
- Biểu 03.1; 03.2; 03.3: Số liệu CB, GV, NV theo từng trường của 3 cấp học.

3.3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ

- Phối hợp với Phòng Nội vụ rà soát đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu, đề nghị Thành phố bổ sung chỉ tiêu đủ so với quy định, đặc biệt quan tâm đảm bảo đủ số lượng giáo viên dạy các môn “*tích hợp*” cấp THCS; giáo viên Tiếng Anh, Tin học cấp Tiểu học (*02 môn học bắt buộc đối với lớp 3, 4, 5* -

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018); tham mưu UBND quận xây dựng kế hoạch tổ chức thi tuyển viên chức giáo dục (*thực hiện trong năm 2024*). Thành lập “*ngân hàng giáo viên*”, khuyến khích giáo viên giỏi hỗ trợ các trường trong quận để đảm bảo chất lượng giáo dục đồng đều, giáo viên bộ môn có thể dạy nhiều trường để giải quyết khó khăn thiếu giáo viên.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên học nâng cao trình độ đào tạo, lộ trình đến cuối năm 2024 hoàn thành chỉ tiêu 100% giáo viên các cấp học đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019; trên 50% cán bộ quản lý cấp Mầm non, trên 65% cán bộ quản lý cấp Tiểu học, THCS có trình độ đào tạo Thạc sĩ trở lên. Rà soát đội ngũ giáo viên dạy môn Tin học và Công nghệ cấp Tiểu học, môn “*tích hợp*” cấp THCS; tiếp tục phối hợp với trường Đại học Thủ đô tổ chức các lớp bồi dưỡng cấp chứng nhận, chứng chỉ cho giáo viên.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực về chỉ đạo các hoạt động dạy và học cho Ban giám hiệu; lớp bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo các chuyên đề trọng tâm của mỗi cấp học; quan tâm bồi dưỡng các chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến trong quản trị nhà trường và dạy học. Mời chuyên gia là chủ biên, tác giả viết sách tập huấn, bồi dưỡng các chuyên đề dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục, đặc biệt quan tâm đối với lớp 4, lớp 8 và lớp 5, lớp 9 chuẩn bị cho năm học 2024-2025. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên dạy môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh để nâng cao chất lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT công lập, THPT chuyên.

- Tuyên truyền, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên về tư tưởng chính trị, đạo đức nhà giáo, kiến thức pháp luật, các quy định của Ngành, trách nhiệm cá nhân trong việc xây dựng và thực hiện nền nếp, kỷ cương, văn hóa ứng xử trong trường học; giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm quản trị trường học, công tác chuyên môn, chăm sóc, nuôi dưỡng giữa các trường trong và ngoài quận nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng giáo dục.

- Tổ chức phong trào thi đua “*Đổi mới sáng tạo trong dạy và học*”; thực hiện mô hình “*giáo viên của giáo viên*”, “*học sinh của giáo viên*”, “*tổ công tác hỗ trợ các trường thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020-2025*”.

3.4. Nâng cao chất lượng giáo dục

- Chỉ đạo các trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học: Tích cực tham gia các cuộc thi, giao lưu online. Khai thác hiệu quả phần mềm cơ sở dữ liệu ngành; xây dựng kho học liệu điện tử; thư viện số; hướng dẫn học sinh lập tài khoản, tham gia các lớp học trực tuyến, ôn luyện theo ngân hàng đề; sử dụng hiệu quả các phần mềm trong dạy học trực tuyến - trực tiếp.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm học. Rà soát, kiểm tra chất lượng, thành lập các đội tuyển học sinh giỏi ở tất các khối lớp; phân công giáo viên giảng dạy, phụ trách và chịu trách nhiệm; dành nguồn kinh phí hợp lý cho giáo viên tham gia dạy đội tuyển; thực hiện “*khoán*” chất lượng cho tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên, đảm bảo chất lượng học sinh đầu ra đối với học sinh lớp 9.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Tổ chức tốt mô hình “*ngày Tiếng Anh*”, áp dụng hiệu quả giáo dục STEM, STEAM. Tăng thời lượng các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống, rèn luyện thể chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, không để xảy ra bạo lực học đường; tổ chức tốt công tác tham vấn học đường cho học sinh tiểu học, THCS. Phát động và tổ chức triển khai sâu rộng, hiệu quả phong trào “*Học sinh Thanh Xuân lễ phép, thân thiện, trung thực, trách nhiệm*”; xây dựng trường học hạnh phúc.

- Đối với trường THCS Thanh Xuân: Tập trung bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi; rà soát, nâng cao chất lượng giảng dạy chương trình chất lượng cao.

3.5. Tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

- Chỉ đạo CB, GV, NV tích cực tham gia các cuộc thi do Bộ GDĐT, Thành phố, Sở GDĐT, Công đoàn Giáo dục tổ chức.

- Phòng GDĐT tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi, nhân viên giỏi cấp Quận; chọn cử giáo viên cấp Tiểu học tham dự Hội thi cấp Thành phố năm học 2023-2024, chọn cử giáo viên cấp THCS tham dự Hội thi cấp Thành phố năm học 2024-2025.

- Tổ chức Ngày hội Công nghệ thông tin - STEM, thi đồng ca - hợp xướng, Hội khỏe Phù Đổng; Ngày hội dinh dưỡng, giao lưu các trò chơi dân gian, Bé khỏe - Bé ngoan cho học sinh Mẫu giáo cấp Quận; tham gia cấp Thành phố. Tổ chức giải thưởng “*Nhà giáo Thanh Xuân tâm huyết, sáng tạo*”, chọn cử giáo viên tham gia giải thưởng “*Nhà giáo Hà Nội tâm huyết, sáng tạo*”.

- Khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi được phê duyệt cho phép của các cơ quan có thẩm quyền trên tinh thần tự nguyện, không gây áp lực cho cha mẹ học sinh. Phòng GDĐT tổ chức các sân chơi, tạo điều kiện cho học sinh giao lưu, tích cực học tập, chủ động, thân thiện, lành mạnh; tổ chức khảo sát học sinh lớp 5 các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh; kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa và Khoa học lớp 9 cấp Quận, thành lập đội tuyển, bồi dưỡng, ôn luyện tham gia thi cấp Thành phố; tổ chức Olympic các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh lớp 7, 8 cấp Quận.

3.6. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy học; truyền thông giáo dục

- Chỉ đạo các trường nâng cấp, bổ sung đường truyền cáp quang (*duy trì mỗi trường lắp đặt 3-4 đường truyền tốc độ tốc độ cao của 2-3 nhà mạng để đảm bảo tính ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và dạy học*); duy trì và triển khai hiệu quả website; thực hiện hiệu quả các phần mềm ứng dụng thu phí không dùng tiền mặt, kiểm định chất lượng giáo dục, thư viện số, ...; rà soát hệ thống camera an ninh, camera nội bộ đảm bảo phủ kín 100% các vị trí xung yếu. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; phát huy hiệu quả phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục.

- Xây dựng, khai thác hiệu quả kho học liệu điện tử bao gồm video bài giảng, bài trình chiếu, bài giảng Elearning; ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra theo môn học, lớp học; trò chơi học tập; ... Khuyến khích giáo viên chia sẻ, cập nhật nội dung kho học liệu để hỗ trợ công tác dạy học.

- Sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

- Thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số các trường theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch truyền thông. Tuyên truyền để cha mẹ học sinh, xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới giáo dục: việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; kế hoạch, nhiệm vụ, chương trình giáo dục của nhà trường; công tác phối hợp với cha mẹ học sinh, ... Nâng cao chất lượng website, fanpage, phát huy hiệu quả sử dụng nhóm zalo; chủ động xử lý các vấn đề về truyền thông; thường xuyên cập nhật các tin bài phản ánh các hoạt động của trường, của ngành; quan tâm tuyên truyền các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để lan tỏa, khích lệ các thầy cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

3.7. Công tác y tế, hoạt động ngoại khóa; đảm bảo an ninh, an toàn trường học

- Chỉ đạo các trường xây dựng khung cảnh sư phạm sáng - xanh - sạch - đẹp - thân thiện; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh. Vận động tối đa học sinh tham gia bảo hiểm, tạo điều kiện phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu. Kết hợp các chương trình giáo dục “*Dinh dưỡng học đường*”, “*Vệ sinh răng miệng*”, “*Bảo vệ môi trường*”, ... với các hoạt động giáo dục ngoại khóa.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, phòng chống dịch bệnh, phòng chống cháy nổ. Đảm bảo kết nối hệ thống camera an ninh với Công an quận; phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an phường giải tỏa ách tắc giao thông, các hàng quán bán rong gần cổng trường; tổ chức xe ra, vào trường hợp lý; quy định khu vực cha mẹ học sinh chờ, đón con; chủ động rà soát hợp đồng, hồ sơ pháp lý đảm bảo đúng quy định; test thực phẩm hàng ngày và theo thực đơn, kiểm soát giao nhận, chế biến thực phẩm; duy trì mô hình điểm về quản lý nuôi dưỡng tại các trường mầm non: kết nối trực tuyến bếp với ti vi thông minh các lớp học và sảnh cầu thang giúp PHHS có thể tương tác, giám sát và theo dõi được chế độ ăn hàng ngày của trẻ; tăng cường sự vào cuộc của cha mẹ học sinh trong hoạt động kiểm tra, giám sát việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng quản lý công tác bán trú trường học. Các trường tự thực có dịch vụ đưa đón học sinh rà soát phương tiện và các điều kiện tổ chức thực hiện theo quy định để đảm bảo tuyệt đối an toàn.

3.8. Công tác thi đua - khen thưởng, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, phong trào từ thiện, nhân đạo

- Tham mưu UBND quận tổ chức Vinh danh CB, GV, NV và HS đạt thành tích cao trong năm học; hướng dẫn các trường quan tâm khen thưởng đột xuất các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có những việc làm tốt, hành động đẹp để kịp thời ghi nhận, động viên, thúc đẩy phong trào thi đua, tạo sự lan tỏa trong các nhà trường.

- Triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua trong toàn ngành gắn với việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Phát động cuộc thi viết về gương điển hình tiên tiến, “*Người tốt, việc tốt*” trong phong trào thi đua yêu nước, tạo sự lan tỏa trong các nhà trường và xã hội. Cụ thể hoá tiêu chí thi đua thành các nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện đến từng cá nhân, tổ nhóm chuyên môn, đảm bảo khách quan, minh bạch gắn với hiệu quả công tác tạo phong trào thi đua sôi nổi trong toàn ngành.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

- Phát động và triển khai thực hiện các phong trào từ thiện, nhân đạo; quan tâm cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo, bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; ủng hộ giáo dục các huyện bạn gặp khó khăn, ủng hộ miền núi, vùng sâu, vùng xa; quý vì người nghèo, phong trào hiến máu tình nguyện, ... hoàn thành mục tiêu “*không để ai bị bỏ lại phía sau*”.

- Phối hợp với Phòng GDĐT huyện Hoài Đức tiếp tục triển khai phong trào “Nhà trường cùng chung tay phát triển - Thầy cô cùng sẻ chia trách nhiệm” giai đoạn 2022-2025: Nhân rộng các trường liên kết, giao lưu, chia sẻ, học tập các giải pháp xây dựng trường học “*xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện*”, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, kinh nghiệm đầu tư cơ sở vật chất, quản trị trường học.

3.9. Công tác phổ cập giáo dục, giáo dục trẻ khuyết tật

- Tham mưu UBND quận xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các phường, các trường thực hiện tốt công tác XMC-PCGD; duy trì và nâng cao chất lượng PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD Tiểu học, THCS mức độ 3.

- Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX quận tiếp tục thí điểm hỗ trợ chuyên sâu cho các em học sinh khuyết tật tại trường TH Nguyễn Trãi, TH Kim Giang, TH Hạ Đình, THCS Nhân Chính, THCS Khương Đình giúp các em hòa nhập cộng đồng, tự tin bước vào cuộc sống.

3.10. Xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh; công tác đoàn thể; thực hiện quy chế dân chủ

- Tham mưu UBND quận đề xuất Quận ủy chỉ đạo Đảng ủy các phường, chi bộ các trường: Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”. Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm giải quyết công việc; tăng cường lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật trong Đảng; đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết, Kết luận của chi bộ. Quan tâm phát triển đảng viên mới, phấn đấu trung bình mỗi trường kết nạp từ 02 đảng viên trở lên.

- Chỉ đạo các trường khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, thanh tra nhân dân, ... hoạt động hiệu quả, góp phần xây dựng nhà trường phát triển. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, giá trị của dân chủ để mỗi cá nhân tự giác, phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ, công sức của tập thể, góp phần xây dựng kỷ cương, nền nếp, đoàn kết nội bộ. Rà soát, điều chỉnh bộ quy chế, nội quy phù hợp với quy định và tình hình thực tế của đơn vị, mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều được tham gia góp ý, bàn bạc, thống nhất xây dựng quy chế, kế hoạch và đồng thuận trong triển khai thực hiện, tham gia làm chủ mọi hoạt động của nhà trường, tránh tình trạng “*dân chủ hình thức*”.

4. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tháng: Biểu 04 gửi kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng GDĐT chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đảm bảo khoa học, linh hoạt; phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm.

2. Tham mưu UBND quận, phối hợp tốt với các ban, ngành, đoàn thể trong quận, chính quyền các phường, các tổ chức, cá nhân để thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

3. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ năm học của các trường; báo cáo Sở GDĐT, Quận ủy, UBND quận theo quy định.

4. Thống nhất phân công trong lãnh đạo và các thành viên đảm bảo công khai, rõ người, kín việc, hợp tình, hợp lý nhằm phát huy thế mạnh của mỗi cá nhân, sự cộng đồng trách nhiệm cao của tập thể cán bộ công chức Phòng GDĐT.

IV. PHÂN CÔNG LÃNH ĐẠO, CHUYÊN VIÊN

1. Biên chế các tổ thuộc Phòng GDĐT: Gồm 03 tổ

- Tổ giáo vụ mầm non: Các đồng chí giáo vụ cấp học mầm non;
- Tổ giáo vụ phổ thông: Các đồng chí giáo vụ cấp tiểu học và THCS;
- Tổ hành chính: Kế toán, văn thư, bảo vệ, phục vụ.

2. Phân công nhiệm vụ lãnh đạo Phòng

2.1. Đồng chí Phạm Gia Hữu - Trưởng phòng

Phụ trách chung, trực tiếp phụ trách các mặt công tác: Tổ chức, tài chính, cơ sở vật chất; cải cách hành chính, thanh, kiểm tra, thi đua - khen thưởng, kỷ luật; xây dựng kế hoạch; công tác bồi dưỡng đội ngũ, ngoại khóa, phòng chống dịch bệnh; ký các văn bản, các báo cáo thuộc thẩm quyền, các báo cáo tổng hợp của phòng; ký duyệt bằng tốt nghiệp THCS.

2.2. Đồng chí Vũ Tuyết Lan - Phó Trưởng phòng

Phụ trách chuyên môn cấp học mầm non, trực tiếp chỉ đạo công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, công tác bồi dưỡng đội ngũ. Tham mưu Trưởng phòng công tác: Khuyến học, vệ sinh ATTP, Y tế học đường, Chữ thập đỏ; Công tác xây dựng kế hoạch, thanh, kiểm tra cấp học mầm non. Tham mưu Trưởng phòng, Lãnh đạo quận xây dựng kế hoạch quản lý nhóm lớp mầm non độc lập; Phụ trách các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân Trung, Phương Liệt. Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung khác theo phân công, báo cáo đ/c Trưởng phòng kết quả thực hiện và nhiệm vụ trọng tâm trước ngày 25 hàng tháng.

2.3. Đồng chí Lê Thị Thu Hằng - Phó Trưởng phòng, Tổ trưởng tổ Công đoàn Phòng GDĐT

Phụ trách chuyên môn cấp Tiểu học, THCS. Phụ trách các môn: Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử, Địa lý, Tự nhiên và Xã hội cấp Tiểu học. Tham mưu

Trưởng phòng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học, công tác thi đua - khen thưởng, truyền thông, viết tin bài, tổng hợp - báo cáo, nghiên cứu khoa học - sáng kiến kinh nghiệm, giáo dục pháp luật, hoạt động giáo dục đạo đức, ngoài giờ lên lớp, thư viện trường học, thể dục thể thao, công tác Đoàn - Hội - Đội; theo dõi hoạt động Công đoàn các trường học. Phụ trách các trường Tiểu học: Khương Đình, Nguyễn Trãi, Phan Đình Giót, Nguyễn Tuân, cấp Tiểu học trường Ngôi Sao - Hà Nội. Phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Thanh Xuân Nam. Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung khác theo phân công, báo cáo đồng chí Trưởng phòng kết quả thực hiện và nhiệm vụ trọng tâm trước ngày 25 hàng tháng.

2.4. Đồng chí Huỳnh Kim Dược - Phó Trưởng phòng

Phụ trách, điều hành các hoạt động của trường THCS Phương Liệt từ ngày 25/7/2023 cho đến khi kiện toàn Hiệu trưởng theo quy định. Tham mưu Trưởng phòng công tác quản lý thi và kiểm định chất lượng giáo dục, dạy thêm học thêm, các trung tâm ngoài nhà trường, cải cách hành chính, thống kê, phổ cập giáo dục, giáo dục hướng nghiệp. Phụ trách môn Toán, Vật lý, các trường THCS: Hạ Đình, Nguyễn Trãi, cấp THCS trường Ngôi Sao Hà Nội, Vietschool Pandora. Phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Khương Trung, Hạ Đình. Chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung khác theo phân công, báo cáo đồng chí Trưởng phòng kết quả thực hiện và nhiệm vụ trọng tâm trước ngày 25 hàng tháng.

3. Phân công nhiệm vụ chuyên viên, nhân viên

3.1. Đồng chí Nguyễn Thị Diệu Thúy - Tổ trưởng Giáo vụ Phổ thông

Phụ trách tổng hợp cấp THCS. Giáo vụ môn Ngoại ngữ; phụ trách các công tác: Nghiên cứu khoa học - SKKN, giáo dục đạo đức, ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; thanh tra, kiểm tra nội bộ, dạy thêm học thêm; công tác phổ cập GD cấp THCS; phụ trách trường THCS: Khương Đình, Nhân Chính, Nguyễn Lân; TH Khương Mai; phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Thanh Xuân Trung.

3.2. Đồng chí Phạm Tiến Hồng

Giáo vụ môn Tin học; phụ trách công tác: Công nghệ thông tin, cải cách hành chính, công tác thống kê; quản lý thi và kiểm định chất lượng giáo dục, chuyên trường; dạy nghề hướng nghiệp; quản lý, cấp phát Bằng tốt nghiệp THCS; phụ trách mở mạng Internet cập nhật thông tin; phụ trách các trường THCS: Phan Đình Giót, Khương Mai, Thanh Xuân Nam; phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Nhân Chính, Khương Đình, Phương Liệt.

3.3. Đồng chí Nguyễn Thị Huyền

Tham mưu Trường phòng công tác cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia. Giáo vụ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục; phụ trách công tác: Văn nghệ, Y tế học đường, chữ thập đỏ, VSATTP, an toàn trường học, Công tác Đoàn - Hội - Đội; phụ trách các trường TH: Nhân Chính, Hạ Đình; các trường THCS: Thanh Xuân, Thanh Xuân Trung, Việt Nam - Angiêri, Đào Duy Từ, Hồ Xuân Hương; phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Thanh Xuân Bắc, Khương Mai.

3.4. Đồng chí Vũ Thị Thu

Phụ trách các môn: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, GDCD; hoạt động giáo dục địa phương cấp THCS; môn Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học; tham gia các hoạt động của cấp Tiểu học theo phân công; tham mưu Lãnh đạo Phòng công tác: thư viện trường học, thi đua khen thưởng (cấp THCS), giáo dục pháp luật, phụ trách hồ sơ sổ sách tài liệu chuyên môn cấp Tiểu học và THCS; phụ trách các trường THCS: Kim Giang, Phương Liệt; TH: Kim Giang, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân Trung, TT Brendon; phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Kim Giang. Thư ký Phòng GDĐT.

3.5. Đồng chí Hoàng Văn Sơn

Phụ trách các môn: Sinh học, Hóa học, Địa lý lớp 9; Khoa học tự nhiên, Công nghệ. Hỗ trợ đồng chí Nguyễn Thị Huyền tham mưu Trường phòng công tác cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia; hỗ trợ đồng chí Triệu Thanh Hương tham mưu Trường phòng công tác tổ chức cán bộ. Thực hiện các nhiệm vụ khác của đơn vị khi được phân công.

3.6. Đồng chí Nguyễn Hồng Thúy

Tham mưu Trường phòng công tác tuyển sinh đầu cấp. Giáo vụ Tiểu học, thủ quỹ Phòng GDĐT; phụ trách các môn, HĐGD: Toán, Mỹ thuật, Thể dục, Âm nhạc, Công nghệ, Lao động kỹ thuật; giáo dục trẻ khuyết tật, hoà nhập; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục thường xuyên của Phòng GDĐT - cấp Tiểu học; VSATTP, bếp ăn bán trú, thống kê, kiểm tra nội bộ cấp tiểu học; phụ trách các trường TH: Đặng Trần Côn, Thanh Xuân Nam, Phương Liệt, Vietschool Pandora, Sputnik; phụ trách công tác dạy thêm, học thêm của các trường, các điểm dạy thêm học thêm trên địa bàn phường Thượng Đình.

3.7. Đồng chí Triệu Thanh Hương - Tổ trưởng giáo vụ Mầm non

Tham mưu Trường phòng công tác tổ chức cán bộ. Phụ trách công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, VSATTP bếp ăn bán trú, an toàn trường học, y tế học đường; công tác liên kết, hoạt động ngoại khóa; kiểm tra nội bộ, phổ cập trẻ MN 5 tuổi; kiểm định, xây dựng trường chuẩn quốc gia; công tác thanh kiểm tra, SKKN của cấp học; tổng hợp các lớp bồi dưỡng chuyên môn của 3 cấp học; phụ

trách các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn phường: Khương Mai, Nhân Chính, Thượng Đình.

3.8. Đồng chí Nguyễn Thu Hà

Giáo vụ mầm non, phụ trách công tác: giáo dục, thống kê, giáo dục trẻ khuyết tật hoà nhập cấp học mầm non. Phụ trách các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn phường Khương Trung, Hạ Đình, Khương Đình, Kim Giang. Thư ký chi bộ Phòng GDĐT.

3.9. Đồng chí Nguyễn Minh Nguyệt

Tham mưu Trưởng phòng công tác kế toán, tài chính, tài sản, công tác Xã hội hóa giáo dục; kiêm nhiệm văn thư của cơ quan, phân công gửi giấy mời họp của Phòng GDĐT, quản lý công văn đi - đến, tài liệu theo quy định.

3.10. Bảo vệ cơ quan làm việc theo chế độ phân ca trực, luôn duy trì chế độ bảo vệ cơ quan Phòng GDĐT 24/24h; đảm bảo tuyệt đối an toàn về con người và tài sản cơ quan; sau mỗi ca phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép vào sổ đầy đủ.

Phân công này có hiệu lực từ ngày ban hành Kế hoạch. Thành viên Phòng GDĐT; Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS thuộc quận và các đơn vị liên quan biết, thực hiện và liên hệ công tác. Phòng GDĐT sẽ điều chỉnh phân công nhiệm vụ khi có Quyết định của UBND quận về công tác cán bộ./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Hà Nội;
- UBND quận;
- Lãnh đạo, chuyên viên Phòng GDĐT;
- Các trường học thuộc quận;
- Lưu: VT.



Phạm Gia Hữu

QUY MÔ TRƯỜNG LỚP, HỌC SINH NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)

| Cấp học | Số trường | | | Số lớp | | | Số học sinh | | |
|-----------------|-----------|-----------|--|--------------|--------------|------------|---------------|---------------|---------------|
| | Tổng | C.lập | NCL | Tổng | C.lập | NCL | Tổng | C.lập | NCL |
| Mầm non | 46 | 19 | 27 | 943 | 242 | 701 | 19,423 | 9,221 | 10,202 |
| Tiểu học | 14 | 13 | 1 | 580 | 488 | 92 | 26,476 | 24,068 | 2,408 |
| THCS | 18 | 13 | 05 (03 trường liên cấp THCS-TH) | 441 | 395 | 46 | 19,871 | 18,631 | 1,240 |
| Tổng số | 78 | 45 | 33 | 1,964 | 1,125 | 839 | 65,770 | 51,920 | 13,850 |

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)

| TT | Nội dung | Chỉ tiêu |
|-----------|--|--|
| 1 | Đăng kí danh hiệu thi đua | Bằng khen Thành phố |
| 2 | Tỉ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập là đảng viên | 56,5% |
| 3 | Tỉ lệ học sinh lớp 9 thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập, THPT chuyên | 86% |
| 4 | Số học sinh cấp THCS thi học sinh giỏi cấp Thành phố đạt giải | 85% |
| 5 | Số giáo viên tham gia thi Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố đạt giải | 100% |
| 6 | Thực hiện chuyển đổi số: - Số trường thực hiện số hóa hồ sơ quản lý, hồ sơ chuyên môn - Số trường tiểu học, THCS triển khai thư viện điện tử | 100% Công lập: 100% Tư thục: 50% |
| 7 | Tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi học: - Nhà trẻ: - Mẫu giáo 5 tuổi, Tiểu học, THCS: | Trên 60% 100%. |
| 8 | Giảm tỉ lệ trẻ mầm non suy dinh dưỡng | Dưới 1,5% |
| 9 | Cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập được cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định | 100% |
| 10 | Học sinh học 2 buổi/ngày: - Tiểu học: - THCS: | 100% 65% |
| 11 | Xếp loại học sinh cấp THCS: - Học lực: - Hạnh kiểm: | Giỏi: 65% Tốt: 99% |
| 12 | Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia | Công nhận lại 03 trường: TH Hạ Đình (MĐ1), THCS Nhân Chính (MĐ1), THCS Thanh Xuân (MĐ2) |

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2023-2024
(Biên chế và hợp đồng)

(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)

| Cấp học | CB, GV, NV | | | Cán bộ quản lý | | | Giáo viên | | | Nhân viên | | |
|----------------|--------------|--------------|--------------|----------------|------------|-----------|--------------|--------------|--------------|------------|------------|------------|
| | Tổng | CL | TT | Tổng | CL | TT | Tổng | CL | TT | Tổng | CL | TT |
| Mầm non | 2,971 | 842 | 2,129 | 104 | 53 | 51 | 2,141 | 571 | 1,570 | 726 | 218 | 508 |
| Tiểu học | 1,096 | 774 | 322 | 44 | 38 | 6 | 890 | 675 | 215 | 162 | 61 | 101 |
| THCS | 983 | 804 | 179 | 38 | 32 | 6 | 864 | 706 | 158 | 81 | 66 | 15 |
| Tổng số | 5,050 | 2,420 | 2,630 | 186 | 123 | 63 | 3,895 | 1,952 | 1,943 | 969 | 345 | 624 |

BIỂU RÀ SOÁT CB, GV, NV CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2023-2024 CẤP MẦM NON
(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)

| TT | Trường Mầm non | Tổng số lớp | Giao chỉ tiêu biên chế | | | | Số CB, GV, NV hiện có | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú | NV HĐ | |
|----|-----------------|-------------|------------------------|-------------|-----------------|-------------------------|-----------------------|-----|----|-----------------------|----|--|---------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|-------|------------------------|
| | | | | | | | Biên chế | | | Hợp đồng (68, trường) | | Giáo viên | | Nhân viên | | | | |
| | | | Tổng | Biên chế VC | LĐHD theo ND 68 | LĐHD theo định mức (NA) | Tổng cộng | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | | | So với định mức NV/lớp |
| 1 | MN Hoa Hồng | 10 | 42 | 30 | 3 | 9 | 37 | 3 | 24 | 1 | | 9 (5 NV nuôi, 3 bảo vệ, 1 kế toán) | 1 | 7 | 4 NV nuôi 1 kế toán | 3 NV nuôi 1 kế toán | | 9 |
| 2 | MN Ánh Sao | 7 | 32 | 22 | 3 | 7 | 28 | 2 | 15 | 2 | | 9 (3 bảo vệ, 6 nhân viên nuôi) | 3 | 5 | 1 NV nuôi | | | 9 |
| 3 | MN Khương Trung | 14 | 48 | 34 | 3 | 11 | 43 | 3 | 28 | 1 | | 11 (3 bảo vệ, 1 y tế, 7 NV nuôi) | 1 | 14 | 4 NV nuôi 1 y tế | 4 NV nuôi 1 y tế | | 11 |
| 4 | MN Thăng Long | 11 | 45 | 33 | 3 | 9 | 40 | 3 | 26 | 1 | | 10 (1 kế toán, 3 bảo vệ, 5 NV nuôi, 1 lao công) | 2 | 6 | 4 NV nuôi 1 kế toán | 3 NV nuôi 1 kế toán | | 10 |
| 5 | MN Phương Liệt | 8 | 34 | 23 | 3 | 8 | 29 | 1 | 15 | 2 | | 11 (8 NV nuôi, 3 bảo vệ) | 4 | 9 | | | | 11 |

| TT | Trường Mầm non | Tổng số lớp | Giao chỉ tiêu biên chế | | | | Số CB, GV, NV hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú | NV HĐ |
|----|-------------------|-------------|------------------------|-------------|-----------------|-------------------------|-----------------------|-----|----|-----------------------|----|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------|-------|
| | | | | | | | Biên chế | | | Hợp đồng (68, trường) | | | Giáo viên | | Nhân viên | | | |
| | | | Tổng | Biên chế VC | LDHĐ theo ND 68 | LDHĐ theo định mức (NA) | Tổng cộng | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | So với định mức NV/lớp | | |
| 6 | MN Sao Sáng | 16 | 52 | 38 | 3 | 11 | 52 | 3 | 30 | 2 | 6 | 11 (1 kế toán, 10 NV nuôi) | 3 | 20 | 1 NV nuôi 1 kế toán | 3 NV nuôi 1 kế toán | | 11 |
| 7 | MN Tuổi Thơ | 6 | 29 | 21 | 3 | 5 | 26 | 2 | 13 | 2 | 4 | 5 (1 NV nuôi, 1 kế toán, 3 bảo vệ) | 4 | 3 | 2 NV nuôi, 1 y tế, 1 kế toán | 1 NV nuôi 1 y tế 1 kế toán | | 5 |
| 8 | MN Thanh Xuân Bắc | 20 | 67 | 51 | 3 | 13 | 61 | 3 | 43 | 2 | 1 | 12 (8 NV nuôi, 4 bảo vệ) | 3 | 14 | 1 bảo vệ HĐ 68 5 NV nuôi | 7 NV nuôi 1 bảo vệ | | 12 |
| 9 | MN Thanh Xuân | 13 | 49 | 35 | 3 | 11 | 46 | 3 | 27 | 1 | 4 | 11 (7 NV nuôi, 1 y tế, 3 bảo vệ) | 3 | 13 | 4 NV nuôi 1 y tế | 4 NV nuôi 1 y tế | | 11 |
| 10 | MN Tràng An | 12 | 59 | 45 | 3 | 11 | 51 | 3 | 40 | 2 | 0 | 6 (NV nuôi) | | 4 | 5 NV nuôi | 5 NV nuôi | | 6 |
| 11 | MN Sơn Ca | 19 | 65 | 49 | 3 | 13 | 61 | 3 | 42 | 2 | 4 | 10 NV nuôi (07 HĐ68; 03 HĐ trường) | 2 | 20 | 3 NV nuôi | 8 NV nuôi | | 10 |
| 12 | MN Tuổi Hoa | 12 | 52 | 38 | 3 | 11 | 51 | 3 | 33 | 1 | 1 | 13 (09 NV nuôi; 03 bảo vệ, 01 kế toán) | | 13 | 2 NV nuôi 1 kế toán | 3 NV nuôi 1 kế toán | | 13 |

| TT | Trường Mầm non | Tổng số lớp | Giao chỉ tiêu biên chế | | | | Số CB, GV, NV hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú | NV HĐ |
|----|-------------------|-------------|------------------------|-------------|-----------------|-------------------------|-----------------------|-----|----|-----------------------|----|---|---------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------|-------|
| | | | | | | | Biên chế | | | Hợp đồng (68, trường) | | | Giáo viên | | Nhân viên | | | |
| | | | Tổng | Biên chế VC | LĐHĐ theo ND 68 | LDHĐ theo định mức (NA) | Tổng cộng | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | So với định mức NV/lớp | | |
| 13 | MN Ánh Dương | 16 | 49 | 36 | 2 | 11 | 48 | 3 | 19 | 0 | 15 | 11 (9 NV nuôi, 1 kế toán, 1 y tế) | 14 | 40 | 2 NV nuôi 1 kế toán 1 y tế | 6 NV nuôi 1 kế toán 1 y tế | | 11 |
| 14 | MN Bình Minh | 16 | 51 | 38 | 2 | 11 | 47 | 3 | 31 | 0 | 5 | 8 (6 NV nuôi, 1 y tế, | 2 | 14 | 5 NV nuôi 1 kế toán 1 y tế | 6 NV nuôi 1 kế toán 1 y tế | | 8 |
| 15 | MN Nhân Chính | 12 | 46 | 33 | 3 | 10 | 44 | 3 | 27 | 2 | 2 | 10 (3 NV nuôi HĐ 68- 4 HĐ trường- 3 bảo vệ HĐ trường) | 1 | 17 | 3 NV nuôi | 3 NV nuôi | | 10 |
| 16 | MN Khương Đình | 10 | 44 | 31 | 3 | 10 | 39 | 3 | 25 | 1 | 0 | 10 (6 NV nuôi, 1 kế toán, 3 bảo vệ) | 1 | 9 | 4 NV nuôi 1 kế toán | 4 NV nuôi 1 kế toán | | 10 |
| 17 | MN Tuổi Thần Tiên | 12 | 58 | 40 | 6 | 12 | 44 | 3 | 26 | 3 | 0 | 12 (7 nhân viên nuôi, 5 nhân viên bảo vệ) | 8 | 9 | 1 bảo vệ 5 NV nuôi | 1 bảo vệ 5 NV nuôi | | 12 |

| TT | Trường Mầm non | Tổng số lớp | Giao chỉ tiêu biên chế | | | | Số CB, GV, NV hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú | NV HD |
|------------------|-------------------------|----------------|------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------|------------|-----------|--------------------------|---|---------------------------------------|---------------------------------|--|--|------------|------------|
| | | | | | | | Tổng cộng | Biên chế | | | Hợp đồng (68, trường) | | | Giáo viên | | Nhân viên | | |
| | | | Tổng | Biên chế VC | LĐHD theo NĐ 68 | LĐHD theo định mức (NA) | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | So với định mức NV/lớp | | |
| 18 | MN Thanh Xuân Nam | 16 | 58 | 44 | 3 | 11 | 53 | 3 | 37 | 2 | 0 | 11 (5 NV nuôi HD 68 và 3 NV nuôi HD trường và 2 bảo vệ HD trường, 1 bảo vệ HD 68 | 2 | | 2 bảo vệ 3 NV nuôi | 2 bảo vệ 1 NV nuôi | | 11 |
| 19 | MN Nguyễn Tuân | 13 | 35 | 25 | 3 | 7 | 42 | 3 | 19 | 0 | 9 | 11 (6 NV nuôi, 1 kế toán, 1 y tế, 3 bảo vệ | 3 | 9 | 1 NV nuôi 1 kế toán 1 y tế | 3 NV nuôi 1 kế toán 1 y tế | | 11 |
| TỔNG CỘNG | | 243 | 915 | 666 | 58 | 191 | 842 | 53 | 520 | 27 | 51 | 191 | 57 | 226 | - 58 NV nuôi - 9 kế toán - 6 y tế - 4 bảo vệ | - 66 NV nuôi - 9 kế toán - 6 y tế - 4 bảo vệ | | 191 |

BIỂU RÀ SOÁT CB, GV, NV CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2023-2024 CẤP TIỂU HỌC*(Kèm theo Kế hoạch số 25/KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)*

| TT | Trường Tiểu học | Tổng số lớp | Số viên chức hiện có | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú | |
|----|-----------------|-------------|----------------------|----------|----|----|--|------------------------------------|--|---|------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | | | Tổng số | Biên chế | | | Hợp đồng | | Giáo viên | | Nhân viên | | |
| | | | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | | So với định mức NV/lớp |
| 1 | Hạ Đình | 28 | 46 | 3 | 34 | 3 | 5 (3 GV cơ bản; 1GV thể dục; 1GV TPT) | 1 (Nhân viên Y tế) | 1 (giáo viên cơ bản) | 6 (giáo viên cơ bản) | 1 (Nhân viên Y tế) | 1 (Nhân viên Y tế) | |
| 2 | Thanh Xuân Bắc | 29 | 53 | 3 | 37 | 3 | 9 (06 GV cơ bản, 01 GV Thể dục, 02 GVT.Anh) | 1 (NV Kế toán) | 1 (01GV Cơ bản) | 7 (04 GV cơ bản, 02 GV Tiếng Anh, 01 GV Thể dục) | 1 (1 NV kế toán) | 1 (1 NV Công nghệ TT) | |
| 3 | Nguyễn Tuấn | 34 | 51 | 3 | 36 | 2 | 8 (07 GV cơ bản; 01 GV mỹ thuật) | 02 (01 NV thư viện, 01 NV y tế) | 05 (01 GV cơ bản, 01 GV T.anh, 01 GV tin học, 01 GV MT, 01 GV TD) | 15 (11 GV cơ bản, 01 GV tiếng anh, 01 GV tin học, 01 GV Mĩ thuật, 01 GV TD) | 02 (01 NV y tế, 01 NV thư viện) | 01 nhân viên CNTT | |
| 4 | Nguyễn Trãi | 51 | 78 | 3 | 70 | 4 | 0 | 01 (TBĐD) | 0 | 6 (4 GVCB, 01 TA, 01TD) | 01 (TB đồ dùng) | 01(TB đồ dùng) | |
| 5 | Khuông Đình | 43 | 67 | 3 | 49 | 5 | 10 (9 giáo viên cơ bản, 1GV Tiếng Anh) | 0 | 01 giáo viên cơ bản | 15 (01 GV TPT; 01 GV Tin học; 2 GV Ngoại ngữ; 11 GV cơ bản) | 0 | 0 | |

| TT | Trường Tiểu học | Tổng số lớp | Số viên chức hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú |
|----|------------------|-------------|----------------------|----------|----|----|---|----------------------------------|---|--|----------------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | | | Tổng số | Biên chế | | | Hợp đồng | | Giáo viên | | Nhân viên | | |
| | | | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | So với định mức NV/lớp | |
| 6 | Khương Mai | 41 | 63 | 3 | 49 | 4 | 6 (5 GV cơ bản; 1 TPT) | 1 (NV CNTT) | 1 GV cơ bản | 11 (7 GV cơ bản 2 GV Thẻ dực 1GV tiếng Anh; 1GV/TPT) | 1 (1NV y tế) | 1 (1NV CNTT) | |
| 7 | Phan Đình Giót | 40 | 62 | 3 | 49 | 4 | 05 (04 GV cơ bản, 01 GV TA) | 01 (NV y tế) | 4 (2 GV cơ bản, 2 GV TA) | 6 (4 GV cơ bản, 2 GV TA) | 1 (Nhân viên Y tế) | 1 (Nhân viên Y tế) | |
| 8 | Nhân Chính | 30 | 48 | 3 | 37 | 3 | 04 (02 GV cơ bản, 02 GV TA) | 01 (NV kế toán) | 04 (02 GV cơ bản, 02 GV TA) | 06 (04 GV cơ bản, 02 GV TA) | 01 (NV kế toán) | 01 (NV CNTT) | |
| 9 | Thanh Xuân Trung | 38 | 63 | 3 | 48 | 4 | 07 (05 GV cơ bản, 02 GV tiếng Anh) | 01 (NV thiết bị) | 04 (02GV tiếng Anh), 02 GV Cơ bản | 10 (03 GV TA, 1 GV Tin học, 01 TPT, 05 GV cơ bản) | 01 thiết bị, CNTT | | |
| 10 | Kim Giang | 49 | 73 | 3 | 52 | 4 | 12 (08 GV cơ bản, 02 GV TA, 02 GV TD) | 2 (01 NV Kế toán, 01 NV CNTT) | 0 | 20 (01 GV AN, 02 GV TD, 03 GV TA, 01 GV Tin học, 13 GVCB) | 2 (01 NV Kế toán, 01 NV CNTT) | 0 | |
| 11 | Đặng Trần Côn | 35 | 59 | 3 | 43 | 5 | 8 (05 GVCB, 0 1TPT, 01TD, 01 TA) | 0 | 0 | 09 (01TA, 01TD, 06 CB, 01 tin) | 0 | 0 | NV T.viện hết HKI nghỉ chế độ |

| TT | Trường Tiểu học | Tổng số lớp | Số viên chức hiện có | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | Ghi chú | |
|------------------|-----------------|-------------|----------------------|-----------|------------|-----------|--|--|--|---|--|--|------------------------|
| | | | Tổng số | Biên chế | | | Hợp đồng | | Giáo viên | | Nhân viên | | |
| | | | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao | So với định mức GV/lớp | So với biên chế được giao | | So với định mức NV/lớp |
| 12 | Phương Liệt | 31 | 53 | 3 | 38 | 4 | 8 (1TA, 1TH, 1AN, 5CB) | 0 | 5 (1Tin, 1TA, 1 ÂN, 2GVCB) | 8 (1Tin, 1AN, 2TA, 4GVCB) | 0 | 1 NV thiết bị | |
| 13 | Thanh Xuân Nam | 39 | 58 | 2 | 41 | 4 | 10 (09 GV cơ bản; 01 GV Tiếng Anh) | 1 nhân viên văn thư | 02 GV cơ bản | 17 giáo viên (15 GV cơ bản; 1 GV Tiếng Anh, 1 GV Tin học) | 1 nhân viên văn thư | 1 nhân viên văn thư | |
| TỔNG CỘNG | | 488 | 774 | 38 | 583 | 49 | 92 (68CB, 13 TA, 05 TD, 01MT, 01 ÂN, 01 Tin, 03 TPT) | 12 (03 Y tế, 03 K.toán, 02 T.viện, 02 TBĐD, 02 CNTT) | 28 (15 GVCB, 08 TA, 02 Tin, 01 MT, 01 ÂN, 01 TD) | 136 (94 GVCB, 21 TA, 08 TD, 02 ÂN, 01 MT, 07 Tin, 03 TPT) | 12 (04 Y tế, 03 KT, 02 T.Viện, 02 TBĐD, 01 CNTT) | 08 (02 Y tế, 04 CNTT, 02 TBĐD) | |

BIỂU RÀ SOÁT CB, GV, NV CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2023-2024 CẤP THCS
(Kèm theo Kế hoạch số 2/KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)

| TT | Trường THCS | Tổng số lớp | Số viên chức hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | | |
|----|------------------|-------------|----------------------|----------|----|----|----------|----|------------------------------------|--|--|---|---|--|
| | | | Tổng số | Biên chế | | | Hợp đồng | | Giáo viên | | | Nhân viên | | |
| | | | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao năm 2023 | So với định mức GV/lớp | Số GV đang HĐ | So với biên chế được giao | Số NV đang HĐ | |
| 1 | THCS Hạ Đình | 12 | 31 | 2 | 19 | 5 | 4 | 1 | 2 | 4 (KHTN 2, Tin 1, Nhạc 1) | 4 (KHTN 2, Tin 1, Nhạc 1) | 0 | 0 | |
| 2 | THCS Thanh Xuân | 31 | 64 | 3 | 43 | 0 | 13 | 5 | 15 | 15 (Văn 3; Hóa 1; Địa lí 1; GDTC 1; Âm nhạc 1; Mỹ Thuật 01; HĐTN 5; GDĐP 2) | 13 (4 Văn; 1 Toán; 4 KHTN; GDTC 1; Địa 1; TD 1; NN 1) | 5 (Kế toán, Văn thư, Thư viện, Y tế, Thiết bị) | 5 (Kế toán, Văn thư, Thư viện, Y tế, Thiết bị) | |
| 3 | THCS Việt An | 41 | 80 | 2 | 63 | 3 | 10 | 2 | 2 | 15 (01 Sứ, 02 Địa, 01 CN, 02 GDĐP, 01 Toán, 02 Tin, 03 KHTN, 01 AN, 01 TD, 01NN) | 10 (01 Toán, 02 Tin, 03 KHTN, 01 Âm nhạc, 01 TD, 01 NN, 01 Địa) | 3 (01 thiết bị, 01 Thư viện, 01 Kế toán) | 01 (kế toán) và 01 (thiết bị) | |
| 4 | THCS Nguyễn Trãi | 40 | 75 | 3 | 60 | 5 | 6 | 1 | 3 | 7 (Địa 1, Sứ 1, GDTC 1, Tin học 1, Thẻ dực 2, KHTN 1) | 6 (Hóa 1, TD 1, Toán 1, T Anh 2, GDTC 1) | 1 (Thư viện) | 1 (Thư viện) | |
| 5 | THCS Khương Đình | 33 | 65 | 3 | 44 | 3 | 14 | 1 | 10 | 20 (3 Toán, 2KHTN, 1 Tin, 3 Văn, 2GDTC, 3 NN, 3GDTC, 1 MT, IAN, 1 TPT) | 14 (3 Toán, 2 Văn, 1 Lịch sử và Địa lí, 3 GDTC, 3 Tiếng Anh, 1 KHTN, 1TPT) | 3 (1Thư viện, 2 thiết bị, thí nghiệm) | 1(thư viện) | |
| 6 | THCS Khương Mai | 29 | 63 | 3 | 38 | 4 | 16 | 2 | 16 | 16 (03 Văn, 02 Toán, 01 Tin, 02 Tiếng Anh, 02 LS-Địa lý, 03 KHTN, 01 GDTC, 01 Âm nhạc, 01 MT) | 16 (03 Văn, 02 Toán, 01 Tin, 02 Tiếng Anh, 02 LS-Địa lý, 03 KHTN, 01 GDTC, 01 Âm nhạc, 01 MT) | 2 (01 TV, 01 CNTT) | 2 (01 TV, 01 CNTT) | |

| TT | Trường THCS | Tổng số lớp | Số viên chức hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | | |
|----|-----------------------|-------------|----------------------|----------|----|----|----------|----|------------------------------------|--|--|--|--------------------------------|--|
| | | | Tổng số | Biên chế | | | Hợp đồng | | Giáo viên | | | Nhân viên | | |
| | | | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao năm 2023 | So với định mức GV/lớp | Số GV đang HD | So với biên chế được giao | Số NV đang HD | |
| 7 | THCS Phan Đình Giót | 38 | 73 | 2 | 57 | 4 | 8 | 2 | 10 | 15 (3 KHTN, 2 TD, 1 Tin học, 2 Địa, 1 Sử, 3NN, 2 CN, 1TPT) | 7 (3 KHTN, 1 TD, 1 Tin học, 2 Địa) | | 2 (1 Thư viện; 1 Y tế) | |
| 8 | THCS Nhân Chính | 25 | 53 | 2 | 33 | 5 | 13 | 0 | 6 | 14 (1 Toán; 1 Tin, 3 KHTN, 3 Văn, 1 LS&ĐL, 2 Anh, 1 Thể dục, 1 Mỹ thuật, 1 TPT) | 13 (1 Toán Tin, 3KHTN, 3 Văn, 1 LS&ĐL, 2 Anh, 1 Thể dục, 1 Mỹ thuật, 1 TPT) | | 0 | |
| 9 | THCS Thanh Xuân Trung | 35 | 74 | 3 | 26 | 1 | 41 | 3 | 13 | 41 (04 Toán, 02 KHTN, 03 CN, 03 Văn, 05 LS&ĐL, 04 NN, 02 GDCD, 03 TD, 02 Nhạc, 02 MT, 02 Tin, 07 HĐTN, 02 GDĐP) | 41 (04 Toán, 02 KHTN, 03 CN, 03 Văn, 05 LS&ĐL, 04 NN, 02 GDCD, 03 TD, 02 Nhạc, 02 MT, 02 Tin, 07 HĐTN, 02 GDĐP) | 5 (Kế toán, Văn thư, Thư viện, Thiết bị, CNTT) | 3 (Kế toán, Văn thư, Thư viện) | |
| 10 | THCS Kim Giang | 44 | 89 | 3 | 47 | 5 | 34 | 0 | 34 | 34 (KHTN+ CN: 5; Toán: 6; Văn: 3+GDCD:2;Địa:3; Sử :3; T.Anh:5; MT:2;TD:4; Nhạc:1) | 34 (KHTN+ CN: 5; Toán: 6; Văn: 3+GDCD:2;Địa:3; Sử :3; T.Anh:5; MT:2;TD:4; Nhạc:1) | 1 Thiết bị | 0 | |
| 11 | THCS Nguyễn Lân | 19 | 42 | 2 | 15 | 2 | 21 | 2 | 18 | 21 (3 Văn, 3 Toán, 3 Tiếng Anh, 4 Lịch sử và Địa lý, 4 KHTN, 2 Công nghệ, 1 Tin, 1 Mỹ thuật) | 21 (04 Toán, 05 Văn, 03 LS&ĐL, 04 KHTN, 02 Tiếng Anh, 01 Mỹ thuật, 01 Tin, 01 TPT). | 3 (01 Y tế, 01 Kế toán, 01 Thiết bị) | 02 (Kế toán, Y tế) | |
| 12 | THCS Thanh Xuân Nam | 24 | 48 | 2 | 33 | 5 | 8 | 0 | 44 | 13 (2 Văn, 2 Toán, 2 Tiếng Anh, 2 Lịch sử và Địa lý, 2 KHTN, 1 Công nghệ, 1 TD, 1 Mỹ thuật) | 8 (2 Văn, 1 Toán, 2 Tiếng Anh, 1 KHTN, 1 Công nghệ, 1 TD) | Đủ | 0 | |

| TT | Trường THCS | Tổng số lớp | Số viên chức hiện có | | | | | | Số GV, NV còn thiếu | | | | | |
|------------------|------------------|-------------|----------------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|------------------------------------|--|--|---|---|--|
| | | | Tổng số | Biên chế | | | Hợp đồng | | Giáo viên | | | Nhân viên | | |
| | | | | BGH | GV | NV | GV | NV | So với biên chế được giao năm 2023 | So với định mức GV/lớp | Số GV đang HD | So với biên chế được giao | Số NV đang HD | |
| 13 | THCS Phương Liệt | 24 | 47 | 2 | 31 | 4 | 9 | 1 | 7 | 15 (03 Địa, 01 GD CD, 01 Sinh, 02 sử, 01 CNKT, 01 CNNN, 02 Thể dục, 01 Tin, 01 Mỹ thuật, 01 Âm nhạc, 01 TPT) | 9 (02 Tin, 01 Công nghệ, 01 Toán, 01 Lý, 01 Địa, 01 Thể dục, 01 TPT, 01 Hóa) | 01 y tế | 01 y tế | |
| TỔNG CỘNG | | 395 | 804 | 32 | 509 | 46 | 197 | 20 | 180 | 234 (KHTN: 29; LSĐL: 14; Văn: 23; Toán: 22; Ngoại ngữ: 25; GDTC: 21; Công nghệ: 16; Tin học: 12; GDĐP: 06; GD CD: 08; Mỹ thuật: 11; Âm nhạc: 09; Địa: 12; Sinh: 01; TPT: 04; Sử: 08; HĐTN: 12) | 196 (Tin học: 08, Công nghệ: 16, Toán: 22 Văn: 25 ; Vật Lý: 01, Địa lý: 08, GDTC: 16, Hóa: 02, Mỹ thuật: 06; Âm nhạc: 06; LSĐL: 12; TPT: 04; Sử: 05; Ngoại ngữ: 24; GD CD: 06; Lịch sử: 3; HĐTN: 07; KHTN: 28; GDĐP: 03) | 04 Kế Toán; 02 Văn thư; 07 Thư viện; 03 Y tế; 05 Thiết bị; 02 CNTT | 04 Kế Toán; 02 Văn thư; 06 Thư viện; 04 Y tế; 02 Thiết bị; 01 CNTT | |

KẾ HOẠCH THÁNG - NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Kế hoạch số 15 /KH-PGDĐT ngày 16/10/2023)

| Tháng | Nội dung |
|--|--|
| 8/2023 | Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV |
| | Tổng kết năm học 2022-2023, triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 |
| | Chỉ đạo các trường chuẩn bị tổ chức Lễ khai giảng năm học mới 2023-2024 |
| | Rà soát phân công chuyên môn các trường |
| | Tổ chức hoạt động hè đảm bảo an toàn, hiệu quả |
| | Tổ chức hội nghị chuyên môn cấp học |
| | Gửi tác phẩm tham dự cuộc thi "Thầy cô trong mắt em" cấp Thành phố |
| | Tham mưu UBND quận tổ chức buổi làm việc của Lãnh đạo UBND quận với các phòng, ban, đơn vị, trường học về triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024 |
| | Tham mưu UBND quận tổ chức các đoàn đại biểu dự khai giảng năm học 2023-2024 |
| | Các tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học của bộ môn. Hội đồng trường hoàn thành việc phê duyệt KHGD, KHDH các bộ môn |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| Tham mưu UBND quận phê duyệt phương thức đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước của quận Thanh Xuân năm học 2023-2024. | |
| 9/2023 | Khai giảng năm học 2023-2024 |
| | Thực hiện nghiêm túc tuần sinh hoạt tập thể đầu năm học, nội dung hoạt động theo công văn hướng dẫn của Bộ GDĐT |
| | Hoàn thành số liệu cơ sở dữ liệu của ngành |
| | Tập huấn chuyên môn, thực hiện chuyên đề |
| | Hướng dẫn các trường xây dựng kế hoạch năm học; tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức, đăng ký danh hiệu thi đua. Kiểm tra, rà soát thực hiện KHGD, KHDH các trường |
| | Tổ chức các hoạt động giáo dục HS kỉ niệm ngày 02/9; hưởng ứng "Tháng ATGT"; tiếp tục triển khai giáo dục ATGT, giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh, giáo dục lịch sử địa phương, địa lý địa phương, tích hợp sử dụng tài liệu "Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh" |
| | Tham mưu UBND quận phê duyệt các khoản thu đối với các trường công lập |
| | Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia (THCS Nhân Chính, THCS Thanh Xuân, TH Hạ Đình) |
| | Chuẩn bị tham gia Hội thi GVĐG Thành phố các môn Ngữ văn, Lịch sử (nội dung Lịch sử trong môn LS-ĐL), Hóa học (nội dung Hóa học trong môn KHTN) - Các trường: Việt An, Phan Đình Giót, Khương Đình, Nguyễn Lân, Thanh Xuân, Kim Giang |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào "Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẽ chia trách nhiệm" |

| Tháng | Nội dung |
|---------|--|
| 9/2023 | Phòng GDĐT hoàn thành xác nhận, phê duyệt KHGD, KHDH, Kế hoạch kiểm tra nội bộ các trường |
| | Hướng dẫn các đơn vị nhập dữ liệu PCGD-XMC. |
| | Phòng GDĐT nộp báo cáo đầu năm học 2023-2024 về Sở GDĐT (15/9/2023) |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 10/2023 | Tham gia Hội thi GVĐG Thành phố các môn Ngữ văn, Lịch sử (<i>nội dung Lịch sử trong môn LS-ĐL</i>), Hóa học (<i>nội dung Hóa học trong môn KHTN</i>) - Các trường: Việt An, Phan Đình Giót, Khương Đình, Nguyễn Lân, Thanh Xuân, Kim Giang |
| | Dạy tài liệu Giáo dục nếp sống TLVM theo kế hoạch |
| | Hội nghị cán bộ công chức Phòng GDĐT; gửi đăng ký thi đua về Quận, Sở GDĐT |
| | Tổ chức Lễ khai mạc "Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời" năm 2023 |
| | Tham gia giải thưởng "Nhà giáo Hà Nội tâm huyết, sáng tạo" |
| | Giao ban với các chủ nhóm lớp mầm non độc lập trên địa bàn quận |
| | Tập huấn chuyên môn, thực hiện chuyên đề |
| | Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường |
| | Tổ chức các hoạt động giáo dục HS kỉ niệm ngày 10/10 |
| | Tổ chức kỳ thi Học sinh giỏi cấp Quận (lớp 9), thành lập và bồi dưỡng các đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp Thành phố |
| | Hướng dẫn các trường tổ chức sân chơi trực tuyến |
| | Phát động thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 53. Tham gia giải chạy báo Hà Nội Mới lần thứ 50 |
| | Tổ chức cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật cấp Quận, chọn sản phẩm dự thi cấp Thành phố (theo kế hoạch của Sở GDĐT) |
| | Triển khai kế hoạch Ngày hội CNTT - STEM |
| | Triển khai kế hoạch thi hợp xướng, đồng ca cấp Quận |
| | Triển khai hướng dẫn "Ngày hội dinh dưỡng" cấp Quận |
| | Đón đoàn kiểm định chất lượng GD, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (THCS Nhân Chính, THCS Thanh Xuân, TH Hạ Đình) |
| | Đón đoàn kiểm tra chuyên môn của Sở GDĐT |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào "Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẽ chia trách nhiệm" |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 11/2023 | Triển khai hoạt động chuyên môn, tổ chức các chuyên đề |
| | Bồi dưỡng đội tuyển HSG lớp 9 |
| | Chấm sản phẩm cuộc thi Khởi nghiệp cấp Quận, chọn sản phẩm gửi dự thi cấp Thành phố |
| | Tổ chức thi, chấm thi kỹ năng, bài giảng điện tử, sản phẩm CNTT cấp Quận; chọn sản phẩm, cá nhân dự thi cấp Thành phố |
| | Tổ chức thi đồng ca, hợp xướng cấp Quận |

| Tháng | Nội dung |
|--|--|
| 11/2023 | Tổ chức thi các môn thể thao cấp Quận |
| | Tổ chức Olympic Tiếng Anh lớp 5 cấp Quận |
| | Tham gia Hội thi GVĐG Thành phố các môn Ngữ văn, Lịch sử (<i>nội dung Lịch sử trong môn LS-ĐL</i>), Hóa học (<i>nội dung Hóa học trong môn KHTN</i>) - Các trường: Việt An, Phan Đình Giót, Khương Đình, Nguyễn Lân, Thanh Xuân, Kim Giang |
| | Tổ chức lễ phát động Ngày Pháp luật Việt Nam (9/11) |
| | Khai mạc Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Quận. Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Quận đối với lớp 3, chọn cử giáo viên tham gia Hội thi cấp Thành phố |
| | Tổ chức các hoạt động giáo dục HS kỉ niệm ngày 20/11 |
| | Tham mưu UBND quận tổ chức kỷ niệm 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Vinh danh CB, GV, NV, HS đạt thành tích cao năm học 2022-2023 |
| | Hướng dẫn các trường tổ chức Sơ kết giữa học kỳ I |
| | Hoàn thiện hồ sơ PCGD-XMC, đón đoàn kiểm tra của Thành phố |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẻ chia trách nhiệm” |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 12/2023 | Triển khai hoạt động chuyên môn, tổ chức các chuyên đề. Kiểm tra học kì I |
| | Bồi dưỡng đội tuyển HSG lớp 9, GV dự Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố (Tiểu học) |
| | Tổ chức thảo luận, hội thảo về thực hiện CT-SGK các bộ môn theo CT GDPT 2018 |
| | Tổ chức ngày hội Quốc phòng toàn dân 22/12, ngày Thế giới phòng chống ma túy, HIV-AIDS; kiểm tra thực hiện phòng chống Ma túy HIV/AIDS các trường |
| | Rà soát tiến độ thực hiện các dự án cải tạo, xây dựng trường học theo kế hoạch |
| | Đón đoàn kiểm tra công nhận PCGDTH của Thành phố |
| | Tổ chức Olympic các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh lớp 7, 8 cấp Quận |
| | Tổ chức thi các môn thể thao cấp Quận |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẻ chia trách nhiệm” |
| Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường | |
| 01/2024 | Triển khai hoạt động chuyên môn, tổ chức các chuyên đề |
| | Hoạt động ngoại khoá theo chủ điểm |
| | Tiếp tục kiểm tra học kì và sơ kết học kì I. Cập nhật cơ sở dữ liệu toàn ngành. Nộp báo cáo sơ kết học kỳ I. Hội nghị sơ kết học kì I và triển khai nhiệm vụ học kì II |
| | Bồi dưỡng đội tuyển HSG lớp 9, dự thi HSG cấp Thành phố |
| | Tham gia cuộc thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật cấp Thành phố |
| | Tham dự Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố (Tiểu học) |
| | Xây dựng và triển khai Kế hoạch PCGD-XMC năm 2024 |

| Tháng | Nội dung |
|---------|--|
| 01/2024 | Tổ chức thảo luận, hội thảo về thực hiện CT-SGK các bộ môn theo CT GDPT 2018 |
| | Ngày hội CNTT - STEM cấp Quận |
| | Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp Quận |
| | Tổ chức “Ngày Hội dinh dưỡng của bé” năm học 2023-2024. |
| | Thi đồng ca, hợp xướng cấp Thành phố |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẻ chia trách nhiệm” |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 02/2024 | Ổn định nền nếp trước, sau Tết Nguyên Đán |
| | Triển khai hoạt động chuyên môn. Tổ chức các chuyên đề |
| | Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2 |
| | Thi GVGD, GV chủ nhiệm giỏi cấp Quận; chọn cử giáo viên tham gia Hội thi cấp Thành phố năm học 2024-2025 môn GDCD, Lịch sử và Địa lí (nội dung Địa lí), GDTC |
| | Phối hợp phòng Tài chính- Kế hoạch xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất các trường năm 2024 |
| | Kiểm tra dạy thêm học thêm, 2 buổi/ngày và công tác bán trú các trường |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẻ chia trách nhiệm” |
| | Tổ chức hoạt động điểm cấp Thành phố cải tiến đổi mới hình thức hoạt động học theo quan điểm "Học bằng chơi, chơi mà học" |
| | Đăng tải danh sách cơ sở GDMN độc lập tự thực được cấp phép thành lập lên cổng thông tin điện tử quận, phường. |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 3/2024 | Triển khai hoạt động chuyên môn. Tổ chức các chuyên đề. Kiểm tra định kỳ giữa học kỳ II |
| | Thi GVGD, GV chủ nhiệm giỏi cấp Quận; chọn cử giáo viên tham gia Hội thi cấp Thành phố năm học 2024-2025 môn GDCD, Lịch sử và Địa lí (nội dung Địa lí), GDTC |
| | Tổ chức các hoạt động kỷ niệm tháng Thanh niên ngày 26/3 |
| | Điều tra số trẻ tuyển sinh đầu các cấp học năm học 2024-2025 |
| | Khảo sát chất lượng học sinh lớp 5, lớp 9 |
| | Kiểm tra, đánh giá thư viện trường học, đánh giá mức độ chuyển đổi số |
| | Đề xuất lựa chọn SGK lớp 5, 9 năm học 2024-2025 |
| | Tổ chức Ngày hội hướng nghiệp cấp Quận |
| | Nộp báo cáo và tổ chức Sơ kết giữa học kỳ II (trường gửi về Phòng GDĐT trước 13/3, Phòng GDĐT gửi về Sở GDĐT trước ngày 15/3) |

| Tháng | Nội dung |
|--------|--|
| 4/2024 | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẽ chia trách nhiệm” |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| | Triển khai hoạt động chuyên môn. Tổ chức các chuyên đề |
| | Tham gia Ngày hội CNTT - STEM Thành phố |
| | Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp Thành phố |
| | Xây dựng kế hoạch biên chế ngành GDĐT năm học 2024-2025 |
| 4/2024 | Tổng kết Hội thi GVDG cấp cơ sở nộp Sở GDĐT báo cáo và danh sách giáo viên tham gia thi GVDG cấp Thành phố năm học 2024-2025 môn GDCD, Lịch sử và Địa lí (nội dung Địa lí), GDTC. |
| | Chỉ đạo, hướng dẫn các trường tổ chức ôn tập, kiểm tra học kỳ II |
| | Hướng dẫn các trường dự kiến phân công chuyên môn năm học 2024-2025 |
| | Kiểm tra, khảo sát thi đua các trường đăng ký khen cao năm học 2023-2024. |
| | Hướng dẫn các trường tổ chức ôn tập và kiểm tra học kỳ II; tổng kết năm học |
| | Tổ chức giao lưu các trò chơi dân gian, Bé khỏe - Bé ngoan cho học sinh Mẫu giáo cấp Quận. |
| | Sơ kết 03 năm triển khai Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT về việc thực hiện Chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh. |
| | Phát động cuộc thi “Thầy cô trong mắt em” cấp Quận |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẽ chia trách nhiệm” |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 5/2024 | Triển khai hoạt động chuyên môn. Ôn tập và kiểm tra cuối năm học. Tổ chức kiểm tra và xét tốt nghiệp THCS, chuẩn bị dữ liệu thi lớp 10 THPT. Cập nhật cơ sở dữ liệu cuối năm. Nộp báo cáo tổng kết năm học và đề nghị xét thi đua, khen thưởng |
| | Xây dựng và triển khai công tác Hè năm 2024 |
| | Xây dựng Kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 |
| | Chuẩn bị kế hoạch tập huấn GV dạy lớp 9, rà soát TBDH lớp 9 năm học 2024-2025 |
| | Tham mưu Hội đồng khoa học quận xét duyệt SKKN, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận đánh giá thi đua các trường |
| | Tổ chức giải thưởng “Nhà giáo Thanh Xuân tâm huyết, sáng tạo” |
| | Phối hợp với Phòng GDĐT Hoài Đức tổ chức phong trào “Nhà trường chung tay phát triển - Thầy cô sẽ chia trách nhiệm” |
| | Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất các trường |
| 6/2024 | Hoàn thành báo cáo năm học 2023-2024, hồ sơ thi đua; chỉ đạo các trường bàn giao học sinh về địa phương sinh hoạt Hè 2024 |
| | Triển khai kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 |
| | Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT |
| | Hoàn thành các báo cáo thi đua khen cao gửi Sở GDĐT, Thành phố |

| Tháng | Nội dung |
|--------|---|
| 7/2024 | Chấm tác phẩm " <i>Thầy cô trong mắt em</i> " cấp Quận, chọn tác phẩm tham gia cuộc thi cấp Thành phố năm học 2024-2025 |
| | Tập huấn Chương trình GDPT 2018 cho GV dạy lớp 9 năm học 2024-2025 |
| | Tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch |
| | Tổ chức tập huấn chuyên môn |
| | Triển khai kế hoạch Hè năm 2024 |
| | Đầu tư TBDH lớp 5, 9 năm học 2024-2025 |
| | Tập huấn Chương trình GDPT 2018 cho GV dạy lớp 9 năm học 2024-2025 |
| | Kiểm tra công tác tuyển sinh, chuẩn bị năm học mới |